

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2026/QĐST-HNGĐ

Quảng Trị, ngày 07 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con sau ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Phan Anh Đức

Thư ký phiên họp: Ông Hoàng Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên họp: Ông Trịnh Cao Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 08/2026/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 7 năm 2026, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn”, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình số 07/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

+ Anh Hồ Tiến A, sinh năm 2001; địa chỉ đăng ký thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã N, tỉnh Quảng Trị; chỗ ở hiện nay: Số A đường X, quận Z, thành phố Đ, Đà Loan.

+ Chị Đoàn Hồng H, sinh năm 2001; địa chỉ đăng ký thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã N, tỉnh Quảng Trị; chỗ ở hiện nay: Số A đường X, quận Z, thành phố Đ, Đà Loan.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn Q, xã N, tỉnh Quảng Trị.

Các đương sự đều vắng mặt, đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu xin ly hôn và các tài liệu kèm theo, người yêu cầu anh [Hò Tiến A](#) và chị [Đoàn Hồng H](#) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh chị kết hôn tự nguyện có đăng ký tại [Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình](#) (cũ); nay là xã [Ủy ban nhân dân xã N](#), tỉnh Quảng Trị vào ngày 18 tháng 01 năm 2021. Sau đăng ký kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thiếu sự tin tưởng, thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không còn hạnh phúc. Anh [A](#) và chị [H](#) nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu [Hò Gia H2](#), sinh ngày 31 tháng 8 năm 2020, hiện đang ở cùng bà [Nguyễn Thị H1](#). Anh [A](#) và chị [H](#) thống nhất chị [H](#) là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành; anh [A](#) không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh [A](#) và chị [H3](#) thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Anh [A](#) và chị [H](#) đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

Bà [Nguyễn Thị H1](#) là mẹ ruột của chị [Đoàn Hồng H](#) trình bày: Bà là mẹ của chị [H](#), chị [H](#) và anh [A](#) hiện đang lao động ở nước ngoài và có con chung là cháu [Hò Gia H2](#), sinh ngày 31 tháng 8 năm 2020 hiện đang sinh sống với bà. Trong quá trình chung sống, chị [H](#) và anh [A](#) xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn được; hai gia đình động viên vợ chồng chung sống xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không hàn gắn được. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, bà đồng ý tạm thời nuôi dưỡng cháu [H2](#) cho đến khi mẹ cháu về nước. Bà đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên họp:

- Các đương sự đều vắng mặt.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị:

Từ khi thụ lý đến phiên họp, Thẩm phán, Thư ký phiên họp, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết việc hôn nhân và gia đình: Đề nghị Thẩm phán áp dụng khoản 2 Điều 29; Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; Điều 149, Điều 367, Điều 369,

Điều 370, Điều 371 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 122, 123 và 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh [Nguyễn Tiến A1](#) và chị [Đoàn Hồng H](#). Công nhận sự thỏa thuận giữa anh [A1](#) và chị [H](#) về việc giao con chung [Hồ Gia H2](#), sinh ngày 31 tháng 8 năm 2020 cho chị [H](#) trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; tạm giao cháu [Hồ Gia H2](#) cho bà [Nguyễn Thị H1](#) nuôi dưỡng cho đến khi chị [H](#) trở về nước; anh [A1](#) không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Công nhận sự thỏa thuận của anh [A1](#) và chị [H](#) về việc không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung; anh [A1](#) và chị [H](#) về việc chịu lệ phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh [Hồ Tiến A](#) và chị [Đoàn Hồng H](#) có hộ khẩu thường trú tại [thôn B, xã N, tỉnh Quảng Trị](#) và hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, đã có đơn yêu cầu giải quyết việc công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con. Vì vậy, xác định đây là việc hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 2 Điều 29; Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tính hợp pháp của văn bản: Các văn bản của anh [A](#) và chị [H](#) ở nước ngoài lập bằng tiếng Việt, có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ở nước ngoài nên công nhận các văn bản này theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên họp, các đương sự đều vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 367 Bộ Luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp giải quyết vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh chị kết hôn tự nguyện có đăng ký tại [Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình](#) (cũ); nay là xã [Ủy ban nhân dân xã N](#), tỉnh Quảng Trị vào ngày 18 tháng 01 năm 2021. Sau đăng ký kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thiếu sự tin tưởng, thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không còn hạnh phúc. Anh [A](#) và chị [H](#) nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được và hai bên

thực sự tự nguyện ly hôn nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh chị theo Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Anh chị 01 con chung là cháu [Hồ Gia H2](#), sinh ngày 31 tháng 8 năm 2020, hiện đang ở cùng mẹ chị [H](#) là bà [H1](#). Anh chị thống nhất sau ly hôn chị [H](#) là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành; không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng. Xét thấy nội dung các đương sự thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi của con chung nên có căn cứ chấp nhận. Chị [H](#) đang ở nước ngoài nên tạm giao cháu [H2](#) cho bà [H1](#) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị [H](#) trở về Việt Nam.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh [A](#) và chị [H](#) thống nhất không yêu cầu nên cần chấp nhận.

[5] Về lệ phí: Anh [A](#) và chị [H](#) thỏa thuận cùng chịu lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, khoản 2 Điều 367, điểm c khoản 2 Điều 478, Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh [Hồ Tiến A](#) và chị [Đoàn Hồng H](#).

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh [Hồ Tiến A](#) và chị [Đoàn Hồng H](#) về việc giao con chung [Hồ Gia H2](#), sinh ngày 31/8/2020 cho chị [Đoàn Hồng H](#) được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm giao cháu [Hồ Gia H2](#) cho bà [Nguyễn Thị H1](#) trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trong thời gian chị [Đoàn Hồng H](#) ở nước ngoài cho đến khi chị [Đoàn Hồng H](#) trở về Việt Nam.

Sau khi ly hôn, anh [Hồ Tiến A](#) có quyền qua lại thăm con; chị [Đoàn Hồng H](#) và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh [A](#) trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh [Hồ Tiến A](#) hoặc chị [Đoàn Hồng H](#) có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

4. Lệ phí sơ thẩm: Chấp nhận sự tự nguyện của anh [Hồ Tiến A](#) và chị [Đoàn Hồng H](#) về việc cùng chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000211, ngày 14 tháng 7 năm 2026.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 3;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Dương sự;
- UBND xã Nam Ba Đồn;
(GCNKH số 02, ngày 18/01/2021);
- Lưu Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN HỌP**

(Đã ký)

Phan Anh Đức